

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT BENTRE
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT BENTRE

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: BENTRE COMMERCE AND MANUFACTURING JOINT COMPANY

Tên công ty viết tắt: BENTRECO

2. Mã số doanh nghiệp: 1301120165

3. Ngày thành lập: 08/12/2022

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Tòa nhà TTC, lầu 6, số 8/2, đường Trần Quốc Tuấn, Phường 4, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam

Điện thoại: 0918396739

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí (trừ xi mạ, gia công cơ khí)	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác (trừ xi mạ, gia công cơ khí)	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng Chi tiết: Thi công trang trí nội, ngoại thất	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
5.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
6.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ lâm sản và động vật pháp luật cấm kinh doanh)	4620
7.	Bán buôn gạo, lúa mì, hạt ngũ cốc khác, bột mì	4631
8.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Bán buôn cà phê, hạt điều. Bán buôn yến sào, mồng dừa, táo các loại	4632(Chính)
9.	Bán buôn đồ uống Chi tiết: Bán buôn bia, nước giải khát các loại	4633
10.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự. Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện	4649
11.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)	4659

12.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Bán buôn sắt, thép	4662
13.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (không chứa vật liệu xây dựng tại trụ sở)	4663
14.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
15.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch (không hoạt động tại trụ sở)	0163
16.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ương giống cây lâm nghiệp (không hoạt động tại trụ sở)	0210
17.	Khai thác gỗ (không hoạt động tại trụ sở, chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật)	0220
18.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ (không hoạt động tại trụ sở, chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật)	0231
19.	Thu nhặt lâm sản khác trừ gỗ (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật) (không chứa gỗ tròn tại trụ sở).	0232
20.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật)	0240
21.	Dịch vụ đóng gói (trừ đóng gói, sang chiết thuốc bảo vệ thực vật, chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật)	8292
22.	Giáo dục nhà trẻ (không hoạt động tại trụ sở, chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật)	8511
23.	Giáo dục mẫu giáo (không hoạt động tại trụ sở, chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật)	8512
24.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật)	8559
25.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục Chi tiết: Tư vấn du học (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật)	8560
26.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
27.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật)	6810
28.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Môi giới bất động sản (trừ hoạt động đấu giá)	6820

29.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật)	4721
30.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật)	4722
31.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật)	4723
32.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật)	0810
33.	Chế biến và bảo quản rau quả Chi tiết: Bóc vỏ hạt điều (không hoạt động tại trụ sở)	1030
34.	Sản xuất cà phê (không hoạt động tại trụ sở)	1077
35.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sơ chế, làm sạch, sấy khô tổ yến (không hoạt động tại trụ sở)	1079
36.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ (không hoạt động tại trụ sở)	1610
37.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác (không hoạt động tại trụ sở)	1621
38.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng (không hoạt động tại trụ sở)	1622
39.	Sản xuất bao bì bằng gỗ (không hoạt động tại trụ sở)	1623
40.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện (không hoạt động tại trụ sở)	1629
41.	In ấn (trừ in tráng bao bì kim loại và in trên các sản phẩm vải, sợi dệt may, đan) (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật)	1811
42.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật)	4933
43.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật); (trừ kinh doanh bến bãi đỗ xe, trừ kinh doanh bất động sản)	5210
44.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh quán bar, vũ trường, phòng karaoke và các dịch vụ kèm theo) (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật)	5610

45.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
46.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế (không hoạt động tại trụ sở)	3100
47.	Thu gom rác thải không độc hại (không hoạt động tại trụ sở)	3811
48.	Thu gom rác thải độc hại (không hoạt động tại trụ sở)	3812
49.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại (không hoạt động tại trụ sở)	3822
50.	Tái chế phế liệu (không hoạt động tại trụ sở)	3830
51.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác (không hoạt động tại trụ sở)	3900
52.	Xây dựng nhà để ở	4101
53.	Xây dựng nhà không để ở	4102
54.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
55.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
56.	Xây dựng công trình điện	4221
57.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
58.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
59.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
60.	Xây dựng công trình thủy	4291
61.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
62.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
63.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
64.	Phá dỡ	4311
65.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
66.	Lắp đặt hệ thống điện (trừ xi mạ, gia công cơ khí)	4321
67.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
68.	Ghi chú: Doanh nghiệp phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, bảo vệ môi trường, phòng cháy chữa cháy và điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện.	Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

6. Vốn điều lệ: 50.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	TRẦN MINH HẬU	Số 223/122, khu phố 2, Phường Quang Vinh, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	2.000.0 00	20.000.000.000	40,000	0750760176 81	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	2.000.0 00	20.000.000.000	40,000		
2	MAI VĂN KHUÊ	Số 69/11, khu phố Tân Hòa, Phường Đông Hòa, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	2.500.0 00	25.000.000.000	50,000	0510850042 21	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	2.500.0 00	25.000.000.000	50,000		

3	LÝ THÁI HỒNG MINH	Số 420/20/19, khu phố 5, Phường Tân Tiến, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	500.000	5.000.000.000	10,000	0750820017 77
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	500.000	5.000.000.000	10,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: LÝ THÁI HỒNG MINH

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 24/04/1982

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 075082001777

Ngày cấp: 16/04/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Số 420/20/19, khu phố 5, Phường Tân Tiến, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 420/20/19, khu phố 5, Phường Tân Tiến, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bến Tre